

Bản án số: 208/2019/KDTM-ST

Ngày: 01/11/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN M – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Ngọc Châu

2. Bà Hoàng Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bê Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận M.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 90/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4641/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 5135/2019/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 5467/TB-TA ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Kỹ thuật Th

Địa chỉ: 32/25 đường O, Phường M, Quận M1, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1992

Địa chỉ: số 25 Đường B, Khu dân cư C, Phường B, quận G, Thành phố H.

(Theo giấy ủy quyền số 0406/2019/UQ ngày 04/6/2019).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M

Địa chỉ: 72 đường T, phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Nam H, sinh năm 1986

Địa chỉ: 67 đường Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

(Theo Giấy ủy quyền số 152019/TCNS/GUQ.MK ngày 01/3/2019).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH Kỹ thuật Th có ông Phạm Ngọc Thái là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Công ty TNHH Kỹ thuật Th (sau đây gọi là Công ty Th) và Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M (sau đây gọi là Công ty M) ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa bao gồm:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017, Phụ lục Hợp đồng số 01 đính kèm Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK, với giá trị hợp đồng là 2.686.958.749 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 02 số 1522018/7001SDR.ELV-07.02/PLHĐ.MK xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.350.512.749 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Th cung cấp cho Công ty M hệ thống chuông cửa có hình ảnh để phục vụ cho công trình: Khu dân cư đa chức năng tại lô 6-9 “Sadora Apartment” thuộc Dự án đầu tư Khu dân cư đa chức năng lô 6-9, Khu chức năng số 6 phía Bắc đường Mai Chí Thọ; Địa điểm: Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố H. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Th đã giao hàng cho Công ty M gồm 02 đợt: Đợt 1 ngày 24/3/2018, đợt 2 ngày 11/4/2018, với tổng giá trị hàng hóa là 2.350.512.749 đồng. Công ty Th đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000015 ngày 03/4/2018, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000019 ngày 11/4/2018.

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 với giá trị hợp đồng là 3.279.904.544 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 01 số 1382018/7002SRN.19.01/PLHĐ.MK, xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.483.008.334 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Th cung cấp cho Công ty M hệ thống chuông cửa có hình ảnh để phục vụ cho công trình Khu chung cư thấp tầng lô C1 (Sarina) thuộc dự án Khu nhà thấp tầng (khu III), khu dân cư phía nam đường Mai Chí Thọ, địa điểm: Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố H. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Th đã giao hàng cho Công ty M gồm 02 đợt: Đợt 1 ngày 28/5/2018, đợt 2 ngày 13/6/2018, với tổng giá trị hàng hóa là 2.483.008.334 đồng. Công ty Th đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000030 ngày 30/5/2018, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000078 ngày 01/10/2018.

Tổng cộng giá trị theo 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa là 4.833.521.083 đồng. Công ty M đã thanh toán cho Công ty Th một phần công nợ.

Ngày 04/12/2018, Công ty Th và Công ty M lập 02 Bảng đối chiếu công nợ số ĐCCN/TH-MK/18-1204.20, theo đó Công ty M còn nợ Công ty Th số tiền:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 nợ gốc còn lại là 609.122.165 đồng;

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 nợ gốc còn lại là 200.009.554 đồng.

Tổng cộng nợ gốc là 809.131.719 đồng.

Đến nay Công ty M vẫn không thanh toán số tiền còn lại.

Công ty Th yêu cầu Công ty M thanh toán tiền phạt vi phạm như sau:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 nợ gốc là 609.122.165 đồng, quá hạn 46.5 tuần, lãi suất 1%/tuần (không quá 12% công nợ) là 73.094.659 đồng;

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 nợ gốc là 200.009.554 đồng, quá hạn 151 ngày, lãi suất 0,15%/ngày (không quá 8% công nợ) là 16.000.764 đồng

Tổng cộng tiền phạt vi phạm là 89.095.423 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Th số tiền nợ gốc còn lại là 809.131.719 đồng và tiền phạt vi phạm là 89.095.423 đồng, tổng cộng là 898.227.142 (tám trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi hai) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Th không yêu cầu Công ty M tiếp tục trả tiền phạt vi phạm theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng mua bán đã ký kết. Lãi phát sinh do chậm thi hành án (nếu có) yêu cầu áp dụng theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án áp dụng mức phạt vi phạm là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 với số tiền là 48.729.773 (bốn mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi ba) đồng. Các yêu cầu khác nguyên đơn vẫn giữ nguyên.

**** Bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M có bà Võ Thị Nam Hương là người đại diện theo ủy quyền của trình bày.***

Bị đơn xác nhận giữa Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M (sau đây gọi là Công ty M) và Công ty TNHH Kỹ thuật Th (sau đây gọi là Công ty Th) có ký các hợp đồng mua bán hàng hóa sau:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017, Phụ lục Hợp đồng số 01 đính kèm Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK, với giá trị hợp đồng là 2.686.958.749 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 02 số 1522018/7001SDR.ELV-07.02/PLHĐ.MK xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.350.512.749 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Th cung cấp cho Công ty M hệ thống chuông cửa có hình ảnh để phục vụ cho công trình: Khu dân cư đa chức năng tại lô 6-9 “Sadora Apartment” thuộc Dự án đầu tư Khu dân cư đa chức năng lô 6-9, Khu chức năng số 6 phía Bắc đường Mai Chí Thọ; Địa điểm: Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố H.

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 với giá trị hợp đồng là 3.279.904.544 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 01 số 138.2018/7002SRN.19.01/PLHĐ.MK, xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.483.008.334 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Th cung cấp cho Công ty M hệ thống chuông cửa có hình ảnh để phục vụ cho công trình Khu chung cư thấp tầng lô C1 (Sarina) thuộc dự án Khu nhà thấp tầng (khu III), khu dân cư phía nam đường Mai Chí Thọ, địa điểm: Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố H.

Thời điểm này Công ty M đang là nhà thầu tại dự án Sadora và Sarina của chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Địa ốc Đ. Công ty TNHH Kỹ thuật Th là nhà cung cấp vật tư thiết bị do chủ đầu tư chỉ định.

Công ty Th đã giao hàng theo hợp đồng đã ký. Công ty M đã thanh toán được một phần công nợ.

Ngày 04/12/2018, Công ty Th và Công ty M lập 02 Bảng đối chiếu công nợ số ĐCCN/TH-MK/18-1204.20, theo đó Công ty M còn nợ Công ty Th số tiền: Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 nợ gốc còn lại là 609.112.165 đồng; Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 nợ gốc còn lại là 200.009.554 đồng. Tổng cộng nợ gốc là 809.131.719 đồng.

Hiện chủ đầu tư dự án chậm thanh toán, chiếm dụng vốn nên Công ty M bị ảnh hưởng, không có tiền để thanh toán cho Công ty Th. Công ty M phải chờ thanh toán từ chủ đầu tư, sau đó sẽ thanh toán nợ gốc cho Công ty Th.

Về tiền phạt vi phạm mà nguyên đơn yêu cầu thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty TNHH Kỹ thuật Th (sau đây gọi là Công ty Th) và Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M (sau đây gọi là Công ty M) có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa bao gồm:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017, Phụ lục Hợp đồng số 01 đính kèm Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK, với giá trị hợp đồng là 2.686.958.749 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 02 số 1522018/7001SDR.ELV-07.02/PLHĐ.MK xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.350.512.749 đồng.

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 với giá trị hợp đồng là 3.279.904.544 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 01 số 138.2018/7002SRN.19.01/PLHĐ.MK, xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.483.008.334 đồng

Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Th cung cấp hệ thống chuông cửa có hình ảnh cho Công ty M để phục vụ cho công trình: Khu dân cư đa chức năng tại lô 6-9 “Sadora Apartment” và Khu chung cư thấp tầng lô C1 (Sarina). Công ty Th đã thực hiện việc giao hàng hóa theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký cho Công ty M. Công ty M cũng đã thanh toán một phần công nợ. Ngày 04/12/2018, hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó xác định Công ty M còn nợ Công ty Th số tiền nợ gốc 809.131.719 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn lại là 809.131.719 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 8% trên phần giá trị vi phạm là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M có địa chỉ trụ sở tại Quận M. Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu áp dụng mức phạt vi phạm là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017, theo đó số tiền phạt vi phạm của hợp đồng này là 48.729.773 (bốn mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi ba) đồng, thấp hơn so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Như vậy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 809.131.719 (tám trăm lẻ chín triệu, một trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm mười chín) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty TNHH Kỹ thuật Th (sau đây gọi là Công ty Th) và Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M (sau đây gọi là Công ty M) ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa bao gồm:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017, Phụ lục Hợp đồng số 01 đính kèm Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK, với giá trị hợp đồng là 2.686.958.749 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 02 số 1522018/7001SDR.ELV-07.02/PLHĐ.MK xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.350.512.749 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Th cung cấp cho Công ty M hệ thống chuông cửa có hình ảnh để phục vụ cho công trình: Khu dân cư đa chức năng tại lô 6-9 “Sadora Apartment” thuộc Dự án đầu tư Khu dân cư đa chức năng lô 6-9, Khu chức năng số 6 phía Bắc đường Mai Chí Thọ; Địa điểm: Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố H. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Th đã giao hàng cho Công ty M gồm 02 đợt: Đợt 1 ngày 24/3/2018, đợt 2 ngày 11/4/2018, với tổng giá trị hàng hóa là 2.350.512.749 đồng. Công ty Th đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000015 ngày 03/4/2018, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000019 ngày 11/4/2018.

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 với giá trị hợp đồng là 3.279.904.544 đồng. Ngày 30/8/2018, hai bên ký Phụ lục 01 số 1382018/7002SRN.19.01/PLHĐ.MK, xác định giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 2.483.008.334 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Th cung cấp cho Công ty M hệ thống chuông cửa có hình ảnh để phục vụ cho công trình Khu chung cư thấp tầng lô C1 (Sarina) thuộc dự án Khu nhà thấp tầng (khu III), khu dân cư phía nam đường Mai Chí Thọ, địa điểm: Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường An Lợi Đông,

Quận 2, Thành phố H. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Th đã giao hàng cho Công ty M gồm 02 đợt: Đợt 1 ngày 28/5/2018, đợt 2 ngày 13/6/2018, với tổng giá trị hàng hóa là 2.483.008.334 đồng. Công ty Th đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000030 ngày 30/5/2018, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000078 ngày 01/10/2018.

Tổng cộng giá trị theo 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa là 4.833.521.083 đồng. Công ty M đã thanh toán cho Công ty Th một phần công nợ.

Ngày 04/12/2018, Công ty Th và Công ty M lập 02 Bảng đối chiếu công nợ số ĐCCN/TH-MK/18-1204.20, theo đó Công ty M còn nợ Công ty Th số tiền:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 nợ gốc còn lại là 609.122.165 đồng;

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 nợ gốc còn lại là 200.009.554 đồng.

Tổng cộng nợ gốc là 809.131.719 đồng. (i)

Bị đơn Công ty M xác nhận số tiền nợ gốc còn lại là 809.131.719 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 04/12/2018 do hai bên đã lập. Hiện nay Công ty M chưa thanh toán số tiền nợ gốc này.

Như vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 809.131.719 (tám trăm lẻ chín triệu, một trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm mười chín) đồng là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 và Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018, do đó có trách nhiệm thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng là phù hợp với thỏa thuận tại khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng hai bên đã giao kết và Điều 300 của Luật Thương mại năm 2005.

Về mức phạt vi phạm: Công ty Th và Công ty M thỏa thuận mức phạt vi phạm là 12% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 và mức phạt vi phạm là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức phạt vi phạm đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 là 8%.

Như vậy việc các bên đương sự thỏa thuận mức phạt vi phạm 8% đối với Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 và việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức phạt vi phạm 8% đối với Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 là phù hợp với quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại năm 2005, nên chấp nhận.

Do đó số tiền phạt vi phạm hợp đồng Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Th là:

- Hợp đồng mua bán số 222017/7001SDR.ELV-07/HĐMB.MK ngày 22/12/2017 nợ gốc là 609.122.165 đồng, tiền phạt vi phạm 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 48.728.973 đồng;

- Hợp đồng mua bán số 582018/7002SRN19/HĐMB.MK ngày 18/4/2018 nợ gốc là 200.009.554 đồng, tiền phạt vi phạm 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 16.000.764 đồng

Tổng cộng tiền phạt vi phạm là 64.729.737 đồng. (ii)

Như vậy, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền phạt vi phạm là 64.729.737 (sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi bảy) đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và tiền phạt vi phạm mà Công ty M phải thanh toán cho Công ty Th là:

(i) + (ii) = 809.131.719 đồng + 64.729.737 đồng = 873.861.456 (tám trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

[4] Về phương thức thanh toán: Hai bên không có thỏa thuận nào khác về phương thức thanh toán, do đó Công ty M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và tiền phạt vi phạm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50, Điều 300 và Điều 301 của Luật Thương mại năm 2005;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Kỹ thuật Th số tiền 873.861.456 (tám trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi sáu) đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 809.131.719 đồng và tiền phạt vi phạm là 64.729.737 đồng).

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH Kỹ thuật Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tư vấn thương mại xây dựng M phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 38.215.844 (ba mươi tám triệu, hai trăm mười lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Kỹ thuật Th tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.473.407 (mười chín triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ bảy) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007453 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương